

Năm Ngựa Nói Chuyện Ngựa

Sh. Trần Công-Lao

Trong khoảng sáu thời-gian tạo-lập vũ-trụ, nếu sau "ngày" thứ năm, Thiên-Chúa không tạo-dựng thú vật mà dựng ngay con người thì loài người cũng có thể sống được. Vì các khoảng thời-gian trước đó, Thiên-Chúa đã tạo-dựng nước, mặt trời, chim muông, cá mú và giới thực-vật (xem Sáng Thế 1, 1-27). Với ngần ấy thứ, con người đã có đủ nhân-tố cần-thiết cho cuộc sống và sự phát-triển. Do đó, nếu không có thú vật, loài người cũng vẫn viết được những trang sử của mình, nhưng chắc-chắn sẽ là một lịch-sử có nhiều khác biệt với lịch-sử mà chúng ta đã biết.

Thực vậy, nếu không có những thót voi thì định-mệnh lịch-sử của Annibal (247-183), dũng-tướng thành Carthage sẽ phải như thế nào, khi đương đầu với quân-đội hùng mạnh đế-quốc La-mã? Nếu không có những đàn ngựa thì A-đề-lạp (432-453), vua Hung-nô sẽ không là "Fléau de Dieu" đối với các nước công-giáo Âu châu và Thành-cát Tư-hãn (1162-1227), vua Mông-cổ đã không làm bá-chủ cả một vùng đất-đai rộng lớn từ Đông-Á sang Tiểu-Á.

Chỉ đan-cử ba thí-dụ đó cũng đủ để cho ta thấy tiến-trình lịch-sử nhân-loại, do con vật hay đúng hơn là phương-cách sử-dụng con vật, đã có những ảnh-hưởng quyết-định lớn lao trong đời sống loài người. Từ câu chuyện lịch-sử Ca-in và A-ben, con trai của hai nguyên-tổ A-dong và E-và đã được sách Sáng Thế ghi chép (xem ST 4, 1-16), người ta không còn nghi-ngờ gì nữa về hiện-tượng chiến-tranh. Chiến-tranh quả thực là một trong những hoạt-động đặc-quyền của con người, thuộc mọi thời-đại.

Đối với các động-vật, sự tranh giành giữa đồng-loại, trong cùng một tập-thể như ở giữa bầy khỉ, bầy ngựa... với nhau, luôn đã và sẽ xảy ra. Chúng đánh nhau để bảo-vệ lãnh-thổ và nguồn lợi thực-phẩm, hoặc để chiếm-hữu những con vật cái, giành độc-quyền trong việc truyền-sinh. Nhưng ở nơi con người, sự tranh giành về những quyền-lợi đó, đã được trá hình dưới những hành-động chiến-tranh.

Xuyên suốt chiều dài lịch-sử nhân-loại, người ta nhận thấy các dân-tộc trên thế-giới đã sử-dụng một số thú vật được họ thuần-dưỡng như chó, voi... và đặc-biệt là ngựa làm công-cụ chiến-tranh để đạt được những ưu-thế trên chiến-trường. Các "con vật lính" đó, nói theo cách dùng của Martin Monestier, đã đóng góp thật sự phần quyết-định trong rất nhiều trận mạc giữa các dân-tộc, từ thời thượng-cổ cho đến thế-giới đại-chiến lần thứ nhất (1914-1918). Về sau, khi kỹ-thuật quân-sự được phát-triển, nhất là với các chiến-xa có gắn động-cơ thì những "con vật lính" này mới bị giới-hạn vào các vai trò chuyên-biệt và chỉ còn nằm ở hàng ngũ thứ-yếu.

a) Tổ-chức quân-đội

Vào cuối thời tiền-sử, đời sống xã-hội loài người dần dần được cơ-cấu-hoá. Những nhóm nhỏ tự tổ-chức thành nhóm lớn hơn và như vậy, đã làm xuất-hiện những vương-quốc đầu tiên. Trong những vương-quốc "sơ-sinh" này, các lực-lượng quân-đội bắt đầu được tổ-chức để gìn giữ an-ninh và bảo-vệ lãnh-thổ. Dần dà, việc tổ-chức quân-sự ngày càng trở nên phức-tạp. Và lại, có những giống dân thường mang bản-tính hay sinh sự. Do đó, khi sẵn có quân-đội hùng mạnh và tướng-tá lão-luyện, cùng với lòng tham, họ đã nhanh chóng trở thành những đoàn quân xâm-lăng và hiếu-chiến.

Các chiến-lược-gia lại thấy ngay sự lợi hại khi dùng một vài con vật được thuần-dưỡng vào việc chiến-tranh: sức mạnh của voi, sự lanh-lẹ của ngựa, vết thương độc do chó cắn, sự tinh mắt của mèo... Tất cả những đặc-tính đó, con người có thể lợi-dụng để chiếm phần ưu-thế trong các cuộc giao-tranh. Tuy-nhiên, người ta phải công-nhận rằng hai con vật được ưu-tiên sử-dụng vào việc chiến-tranh trong suốt thời-gian dài của lịch-sử phương Đông và phương Tây là voi và ngựa.

Voi có hai loại: Voi châu Á và voi châu Phi. Voi châu Phi có đặc-điểm là tai lớn hơn tai voi châu Á, nhưng cả hai loại đều có sức mạnh phi-thường và hình thù to lớn cùng với lớp da dày, các mũi tên hay ngọn dáo khó đâm thủng được. Chúng lại có thể chở trên lưng sức nặng một tấn. Quân-đội ở phương Đông thời xa xưa, nhất là Trung-hoa và Ấn-độ, từ hơn 2000 năm trước Chúa giáng-sinh, đã biết đến những lợi-điểm này. Vì thế, mỗi khi xuất trận, họ thường đặt trên lưng voi một pháo tháp, để rồi những tượng-binh trú ẩn bên trong sẽ sẵn-sàng bắn ra hàng loạt mũi tên. Trong khi đó, đàn voi tiền-phong cứ hùng-dũng xông xáo vào hàng-ngũ địch, giống như những chiếc thiết-giáp ngày nay.

Trong các trận đánh bằng dáo mác cung tên, ở vào thời-kỳ chưa có súng đạn, việc dùng voi lại còn có một lợi-điểm nữa: voi sẽ dùng sức mạnh của cặp ngà và sự dẻo-dai linh-động của cái vòi để cộng-tác với chủ. Theo như Gustave Flaubert, văn-sĩ người Pháp đã diễn-tả trong Salambo (1862), cuốn tiểu-thuyết, mượn đề-tài lịch-sử Carthage thì: 'Nó dùng chiếc vòi để bóp cổ và cặp ngà để mổ bụng quân địch, rồi tung họ lên trời...' khiến hàng-ngũ bộ-binh bên đối-phương phải rối loạn.

Voi chỉ tìm thấy ở châu Phi, nhất là châu Á và rất dễ thuần-dưỡng, nên trong vấn-đề tổ-chức quân-đội, người ta không những dùng ngựa mà đặc-biệt, đã dùng voi làm nền-tảng cho đơn-vị. Trong cuốn Mahabharata, anh-hùng-sử Ấn-độ, xuất-bản hơn 400 năm trước Chúa giáng-sinh, có ghi: 'Đơn-vị chủ-lực của quân-đội gồm có một con voi với 4 binh-sĩ cỡi, một xe ngựa chở 3 lính chiến và 5 bộ-binh'.

Như vậy, đối với Đông phương, voi là con vật rất có giá-trị và quan-trọng, vì nó đóng vai trò chủ-yếu trong lực-lượng quân-đội. Còn ở Tây phương, người ta chú-trọng đến ngựa hơn. Họ xem nó như là thành phần chủ-yếu trong việc tổ-chức quân-đội.



b) Ngựa chống với Voi

Khi Tây phương đã quyết-định đối đầu với Đông phương và khi Alexandre le Grand, vị vua trẻ tuổi người Macédoine tiến quân về phía Đông thì tất nhiên, nếu không gặp ở trong trận đánh này thì cũng ở trận đánh khác, ngựa phải chống lại voi! Nhưng giữa sức mạnh của voi và sự lanh-lẹ của ngựa, con thú nào sẽ thắng?

Trận đụng-độ đầu tiên đã xảy ra tại Gaugamèles gần Ninive, trên phần đất Irak hiện nay, vào năm 331 trước Chúa giáng-sinh, khi Darius III, vua Ba-tư quyết chống lại đoàn quân Alexandre le Grand. Vua Ba-tư đã dùng 15 con voi được đem từ Ấn-độ về để gây ấn-tượng cho quân Macédoine. Ông đặt đàn voi đi hàng tiền-đạo và chính các thốt voi đó, như những chiếc thiết-giáp, đã xông xáo vào trận địa, làm rối loạn hàng-

ngũ quân Hy-lạp ngay từ những phút đầu, cùng gây cho họ rất nhiều thiệt-hại. Nhưng sự xung-kích này không mang đến kết-quả quyết-định cho Ba-tư. Vì chính Alexandre le Grand, sau trận hỗn-chiến đẫm máu kinh-hoàng đó, đã thắng Darius và bắt sống được 15 thốt voi! Thật ra, đàn voi chỉ là một số nhỏ, nhưng đã tỏ ra khả-năng chiến-đấu đáng sợ và hầu như chúng 'bất-khả đả thương', vì tất cả đều sống sót trong trận tử-chiến này. Do đó, có người đã đặt vấn-đề: Nếu Darius đưa ra chiến-trường một số-lượng lớn voi thì kết-quả sẽ như thế nào?

Năm năm sau, tức vào năm 326 trước Chúa giáng-sinh, câu hỏi trên đã được trả lời trong trận Hydaspes (hiện là Djelam) thuộc tỉnh Pendjab ở Ấn-độ, khi vua Ấn là Porus đem voi ngăn chặn bước tiến của Alexandre le Grand. Vua Porus đã dùng 200 con voi làm thành vòng đai dài 4 cây số, cứ cách khoảng 20 mét thì cho một con voi đứng án-ngũ. Theo Benoist-Méchin kể thì: 'Khi vừa thấy voi, không phải ngựa sợ mà chính binh sĩ Hy-lạp kinh-hãi rú lên. Vì họ chưa bao giờ phải đương-đầu với những con vật quái dị như thế'. Nhưng sự khủng-hoảng tinh-thần đó chỉ ngăn-ngủi thôi. Các binh-sĩ Hy-lạp dần dần khám-phá ra những nhược-điểm của voi: di-chuyển chậm chạp, khó tập-trung lại hoặc rút đi nơi khác cách nhanh chóng. Vì thế, sự phối-hợp với các đơn-vị kỵ-binh và bộ-binh trở thành lỏng-lẻo và bấp-bênh. Trong khi đó, đoàn quân Hy-lạp ra sức tới gần voi, dùng dáo nhọn và lưới hái đâm hay chặt vào vòi; dùng rìu chặt các khuỷu chân voi, cùng tìm hết mọi cách để hạ-sát quân-tượng. Sau vài giờ kịch-chiến, phía Ấn-độ có 20.000 lính tử-thương, 3.000 ngựa và 100 voi bị giết chết. Vua Ấn đầu-hàng... Về phía Hy-lạp, phần tổn-thất nhẹ hơn. Nhưng đối với cá-nhân Alexandre le Grand thì cả là một sự mất mát lớn lao, vì con Bucéphale, ngựa quý của ông bị tử-thương. Con ngựa mang tên Bucéphale, có nghĩa là 'đầu bò mộng' này, rất thông-minh và trung-tín, đã như hình với bóng, theo giúp ông trong suốt thời-gian 20 năm ông đi chinh-phục phương Đông.

c) Chiến-xa do ngựa kéo

Trước khi được các kỵ-sĩ cỡi lên lưng, ngựa đã được đóng vào chiến-xa có bánh đặc, dẻo nguyên cả tấm gỗ, hoặc do 2 tấm ván ghép lại, đến các loại bánh có nan hoa đã gần 2.000 năm qua. Trong thời-gian đó, kỹ-thuật chế-tạo toàn bộ chiếc xe cũng như cách-thức đóng ngựa vào xe dần dần được cải-tiến đến độ hoàn-hảo.

Ngựa kéo cũng được chọn lựa những giống mạnh mẽ, dai sức và chạy nhanh. Cho nên, các chiến-xa bấy giờ đã trở nên khí-cụ chiến-tranh đáng sợ, có thể định-đoạt số-phận các trận chiến.



Từ thời thượng-cổ, người Trung-hoa, người Assyriens, người Hittites và người Scythes đã có kinh-nghệm về các chiến-xa do ngựa kéo này. Những loại chiến-xa 2 hoặc 4 bánh, chở binh-sĩ của họ ra ngoài mặt trận. Những đoàn chiến-xa đầu tiên và đáng sợ hơn hết, ở vào thời-kỳ ấy, là đoàn quân của người Sythes, một giống dân gốc Irăng. Họ đã định-cư tại các thảo-nguyên phía Bắc Hắc-hải, bắt đầu từ thế-kỷ 12 trước Chúa giáng-sinh.

Vào năm 1290 trước Chúa giáng-sinh, Ramsès II, vua Ai-cập đối đầu với vua Hittite là Mouvatali tại Kadesh (vị-trí Tell Nebi Mend hiện nay) ở Bắc Syrie. Vua Ramsès II muốn san bằng căn-cứ chiến-lược Kadesh này của quân Hittites và đuổi họ ra khỏi vùng đất mà trước kia, đã nằm

dưới quyền thống-trị của người Ai-cập.

Trong trận đánh năm đó, 4.000 chiến-xa do ngựa kéo của lực-lượng đôi bên, suốt một ngày, đã quần-thảo nhau kịch-liệt. Bên Hittites, mỗi xe có 2 con ngựa kéo, trên đó chở 3 người lính: 1 người cầm cương điều-khiển ngựa và 2 người cầm dáo. Nhưng về phía Ai-cập, thường mỗi xe chỉ có một người lính mang cung tên. Các chiến-xa đều xuất trận cùng một lượt với bộ-binh. Chiến-xa có bổn-phận bảo-vệ bộ-binh khỏi bị tấn-công phía trước hoặc hai bên. Chiến-xa có thể tạo được những cú tấn-công chớp-nhoáng và bất ngờ vào hàng-ngũ địch, đánh phá chính-xác những mục-tiêu quan-trọng. Và như vậy, các chiến-xa do ngựa kéo là thành phần chủ-lực trận địa của mỗi bên. Tuy nhiên, những con ngựa kéo xe, vì không có giáp sắt bảo-vệ, rất dễ bị tử-thương. Chúng thường là những cái đích cho địch nhắm bắn. Một khi ngựa bị thương hay chết sẽ gây tổn-thất cho tất cả xe. Chính cái nhược-điểm này là một trong những chìa khoá thành-công, tạo nên sự chiến-thắng về-vang cho quân-đội vua Ramsès II.

Thực vậy, những chiến-sĩ Ai-cập đứng trên xe ngựa là lính bắn tên, trong khi bên phía quân Hittites là những người lính cầm dáo. Cho nên, tầm mũi tên của lính Ai-cập có thể đánh ngã được ngựa Hittites, trước khi nó chạy tới gần họ. Nhờ biết khai-thác tối-đa ưu và khuyết-điểm đó, quân-đội vua Ramsès II đã thành-công trong việc bắn hạ được một số-lượng rất lớn ngựa của địch, làm kết-thúc trận đánh và ngăn chặn được sự bành-trướng của quân Hittites.

d) Những đoàn kỵ-binh



Sau 2.000 năm đóng chiến-xa bắt ngựa kéo, cuối cùng con người đã thành-công cỡi lên được trên mình nó (như đã bàn đến trong mục'con vật để cỡi') và tiếp-tục dùng nó trong việc chiến-tranh. Đoàn kỵ-binh đầu tiên trong lịch-sử, có lẽ chắc là của người Hittites, một giống dân cổ-đại miền ở Tiểu-Á. Do các dấu vết tìm thấy, người ta xác-quyết kỵ-binh của họ đã xuất-hiện khoảng thế-kỷ 7 trước Chúa giáng-sinh. Và bắt đầu từ đó, hiện-tượng 'ngựa được cỡi' nhanh chóng lan truyền khắp các dân-tộc cổ-đại, nhất là đối với những dân-tộc phương Tây, ngựa đã trở thành con vật chiến-tranh tuyệt-vời nhất.

Mãi cho đến đầu kỷ-nguyên công-giáo, các chiến-xa do ngựa kéo và kỵ-binh được dùng song song với bộ-binh. Trên các mặt trận, chiến-xa và kỵ-binh cùng sát cánh, chiến-đấu bên nhau. Nhưng về sau, những chiến-xa do ngựa kéo, đã theo giòng thời-gian, giảm xuống dần dần, nhường chỗ cho kỵ-binh. Việc cỡi lên lưng ngựa vào thời-kỳ đó chưa được bảo-đảm, vì không có yên và bàn đạp. Tuy nhiên, sự bất-tiện đó cũng không ngăn trở Alexandre le Grand, vua Macédoine, đi chinh-phục thế-giới trên lưng con Bucéphale, ngựa quý của ông!

A-đề-lạp: tai trời

Ở thời trung-cổ, vào tiền bán thế-kỷ thứ 5, vua Hung-nô với con ngựa Balamer, đã hơn một lần gây kinh-hoàng cho các nước Âu châu. 'Nơi nào vó ngựa của ta đi qua, ở đó cỏ không còn mọc được nữa'. Đó là câu nói để đời, phát xuất từ cửa miệng A-đề-lạp (Attila), vua Hung-nô, kẻ lãnh-đạo đoàn kỵ-binh hùng mạnh, có sức tàn-phá khủng-khiếp. Ông tự xưng là 'thiên-tử' và có tham-vọng mở rộng đế-quốc bằng phương-thế duy

nhất là chém giết và cướp phá. Vì thế, ông cần có đoàn kỵ-binh đông-đảo và phải dùng những tướng-tá tài giỏi.

Người Hung-nô thành-lập bộ-lạc ở các thảo-nguyên. Họ thuần-dưỡng ngựa và cỡi ngựa. Từ ngày này qua tháng khác, họ cứ lang-thang sống mãi trong các thảo-nguyên núi Altaï và biên-giới châu Á. Họ là dân du-mục cũng như một số dân khác ở vào thời-kỳ đó. Họ chuyên môn săn bắn và đi tìm nước uống, nên thường phải đụng chạm với các dân-tộc định-cư khác.

Những kỵ-binh của họ ăn bận loạn-xà-ngẫu, không có đồng-phục như quân-đội của các đế-quốc thời đó. Khí-giới họ trang-bị là thanh gươm ngắn hay mã-tấu với tám khiên tròn bằng gỗ, cung tên và một vòng dây thông lọng. Trong thời-gian khoảng từ năm 440 đến 451, vì sự phá phách và chém giết không gớm tay của người Hung-nô nên các nước công-giáo Âu châu rất khiếp sợ và thường gọi họ là 'tai trời' (fléau de dieu).

Thành-cát tư-hãn: sự tàn phá



Vào cuối thế-kỷ thứ 12, một đoàn kỵ-binh rất đông-đảo và hung-dữ khác, đã gieo vãi không biết bao nhiêu là 'tai ách' cho các nước châu Âu và châu Á, đó chính là đoàn kỵ-binh người Mông-cổ. Họ đã gây nên các cuộc tàn-sát đẫm máu với những chiến-thuật 'nhà nghề' của họ, còn rừng-rợn và khủng-khiếp gấp mấy lần quân Hung-nô.

Lãnh-thổ người Mông-cổ chiếm-lĩnh một vùng đất rộng lớn mênh-mông ở miền Trung châu Á, là sân khấu của những cuộc đấu-tranh huynh-đệ tương-tàn ít khi ngừng nghỉ. Người Mông-cổ thô-lỗ và hiếu-chiến, hay sinh sự, người này chống đối người kia, để giành quyền chần thả đàn súc-vật. Họ rất kiêu-căng, khó khuất-phục. Nhà ở của họ là những lều mây được phủ bằng vải thô. Họ hầu như luôn luôn cỡi trên lưng ngựa và di-chuyển không ngừng theo đàn súc-vật, bao giờ cũng sẵn-sàng để tấn-công hay để tự-vệ.

Khoảng năm 1154, Yèsugèi, thủ-lãnh bộ-lạc Kiyats chết, con trai ông là Témudjin (Thiết-mộc-chân) lên thay. Tuy tuổi mới 13, nhưng Témudjin đã biết tổ-chức binh-sĩ thành nhóm có kỷ-cương rồi gởi đi đánh các bộ-lạc lân-cận. Sau 20 năm chiến-đấu liên-li ông đã qui-tụ được các bộ-lạc Mông-cổ ở dưới quyền lãnh-đạo của mình. Năm 1206, Témudjin được tôn lên làm 'thủ-lãnh tối-cao' = Gengis Khan, (khan có nghĩa là thủ-lãnh, vua) người Tàu dịch là 'Thành-cát tư-hãn'.

Thành-cát tư-hãn (tức Thiết-mộc-chân) tổ-chức một đoàn kỵ-binh hết sức đông-đảo và kỷ-luật. Với 200.000 con ngựa được luyện-tập, đoàn kỵ-binh hùng mạnh đó có thể tiêu-diệt bất cứ một lực-lượng chống-cự nào, cũng như san bằng mọi chướng-ngại gặp phải trên đường tiến quân. Chính ông thống-lĩnh đại-binh đi đánh Trung-hoa, Tây-tạng, Trung Á, Tiểu Á và Đông Âu. Cái khủng-khiếp nhất khi nghe đến tên Thành-cát tư-hãn (Gengis Khan) là sự tàn-phá, sự chém giết ghê rợn. Họ không những giết các người lính bên đối-phương mà giết luôn cả những dân lành vô tội vạ. Họ là những kẻ khát máu, cực kỳ độc ác. Người Tây phương thời ấy gọi họ là tartares, xem họ như là những con quỷ đến từ hoả-ngục!

Đến năm 1227, sau gần 60 năm tung-hoành, Thành-cát tư-hãn đã xây dựng được một đế-quốc rộng lớn, từ Bắc-Kinh đến tả-ngạn sông Volga. Đế-quốc của ông lúc ấy lớn hơn đế-quốc của Alexandre le Grand ở thế-kỷ thứ 4 trước Chúa giáng-sinh và của Nã-phá-luân đệ nhất vào thế-kỷ thứ 19.

Thế nhưng, mộng ước đế-quốc của ông ta chưa được thoả-mãn. Khi biết mình sắp chết, ông vẫn còn hối-tiếc một điều là chưa chiếm trọn nước Trung-hoa. Ông buộc con cái phải nối tiếp sự-nghiệp và chính họ đã hứa thực-hiện. Do đó, ít lâu sau, Hốt-tát-liệt (Koubilai) đã đem quân sang diệt nhà Tống, lập nên triều-đại Nguyên-Mông.

Vua Nguyên-Mông Hốt-tát-liệt lại muốn thôn-tính thêm nước Việt-nam, nên năm 1284 sai con là Thoát-Hoan sang đánh; nhưng đã bị quân ta, dưới sự thống-lĩnh của đức Trần Hưng Đạo, đánh cho tan tành. Quân ta đã bắn chết các tướng Toa Đô, Lý Quán và Lý Hằng; bắt sống các tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ và Cờ Ngọc. Còn thái-tử Thoát-Hoan, để khỏi bị bắt, đã chui vào ống đồng đặt lên xe cho quân lính kéo chạy trốn về Tàu. Thế là từ đó, mộng đế-quốc của Nguyên-Mông đã bị chặn đứng trên đất nước Việt-nam.

Chiến-thuật nhà nghề

Chiến-thuật được quân Mông-cổ sử-dụng trong các trận đánh, thường có 2 lối:

- Trước hết là 'xảo-kế'. Chẳng hạn họ lừa cho địch lọt vào ổ phục-kích rồi họ bao vây và đánh ập vào. Khi gặp phải một lực-lượng quan-trọng khó thanh-toán ngay thì họ giãn ra một vài ngày để cướp phá quanh vùng. Nếu chưa có thể tiến đánh thì họ lại giả đồ rút lui một thời-gian, chờ cho bên đối-phương phân tán, rồi bất-thần trở lại tấn-công.
- Kế-hoạch thứ hai là 'cách bố-trí đoàn quân': Họ bắt những tù-binh hay dân địa-phương cầm dáo mác đi đầu và cánh giữa, còn đoàn kỵ-binh của họ thì tiến hai bên tả hữu để bao vây địch rồi đánh ập vào. Nếu bị đối-phương chống trả quá mãnh-liệt, họ nới vòng vây, mở đường cho đối-phương từ từ thoát ra từng tốp... để họ tiêu-diệt. Phải lưu-ý một điều là quân Mông-cổ hết sức tránh đánh giáp lá-cà. Họ cố gắng tiêu-hao dần mòn lực-lượng bên địch bằng những mũi tên và chỉ tiến lại gần, khi thấy địch đã thực sự yếu sức.

Việc rút quân nằm trong chiến-thuật căn-bản của họ. Những cuộc truy-kích xa, luôn luôn lợi cho họ, vì họ có ngựa dự-trữ sẵn. Quân-đội Mông-cổ chắc hẳn là đáng sợ trong vấn-đề làm chủ tình-hình những trận đánh tháo lui. Vì kỵ-binh của họ có tài bắn tên về phía trước, cũng như phía sau; có khả-năng thúc ngựa chạy giãn rộng ra hay quay ngoặt trở lại, nhanh chóng và uyển-chuyển dễ dàng theo như họ muốn.

e) Từ Waterloo đến hai trận thế-chiến

Waterloo, một cánh đồng nhỏ ở bìa rừng Soignes, cách Bruxelles (Bỉ) 15km, vào năm 1815 là nơi đóng ấn sự thất-bại của Nã-phá-luân đệ nhất. Hơn 30.000 ngựa được quân-đội Pháp và Anh đưa tới tham-dự. Nhưng sau trận đánh lịch-sử này, do sự xuất-hiện xe tăng, xe tải, súng ống và bom đạn, việc dùng kỵ-binh vào chiến-tranh đã bị bỏ xó. Tuy nhiên, thời-đại huy-hoàng của nó chưa phải vì thế mà đã qua đi, ít nhất cũng phải đến cuối thế-kỷ thứ 19, vì ngựa vẫn còn đảm-nhiệm nhiều vai trò quan-trọng trên các chiến-trường.

Khoảng cuối thế-kỷ thứ 19 và đầu thế-kỷ thứ 20, trong các chiến-dịch của Hoàng-gia Anh tại Ấn-độ, những giống ngựa săn Anh quốc đã được dần dần thay thế bằng giống ngựa nhỏ Ả-rập từ Ba-tư đem về, hoặc bằng những giống ngựa lai chéo giữa ngựa Ả-rập-Úc với ngựa thuần-chủng (pur sang) là một giống ngựa đua nổi tiếng. Những con Walers này, đúng như tên người ta gọi, là loại ngựa tuyệt-hảo dùng cho kỵ-binh và pháo-binh. Walers đã tham-dự trận đệ nhất thế-chiến. Hơn 120.000 con Walers đã được lực-lượng quân-đội Hoàng-gia Anh sử-dụng tại Ấn-độ, Phi châu, Palestine và nhất là tại Âu châu.

Đệ nhất thế-chiến

Trong thời-gian thế-giới đại-chiến lần thứ nhất, hàng triệu con ngựa đã được các quốc-gia lâm trận sử-dụng vào nhiều dịch-vụ khác nhau trên khắp các mặt trận. Tuy nhiên, sự thiệt-hại về 'con vật lính' này cũng không phải nhỏ. Có số bị chết vì giá lạnh, vì thiếu lương-thực khi không tham chiến. Có số thì bị giết ở ngoài mặt trận. Chỉ lấy thí-dụ trận Verdun (Pháp) vào năm 1916, khi Pétain chống với quân Đức, có 7.000 con ngựa bị giết trong một ngày! Như thế, ta sẽ tự hỏi: trong 4 năm xung-đột, số ngựa phải 'hy-sinh vì lòng tham con người' sẽ là bao nhiêu nữa?

Dù vậy, lịch-sử loài ngựa có công tham chiến không được kết-thúc bằng sự tán-dương. Sau ngày đình-chiến, 11.11.1918, các máy móc, xe tăng, súng đạn đã mau lẹ loại trừ kỵ-binh và xe vận tải, xe mô-tô đã thay ngựa.

Đệ nhị thế-chiến

Thế nhưng, năm 1939, khi bị tấn-công vũ bão, chính-phủ Ba-lan đã đưa ra trận tuyến 90.000 ngựa để chống với lực-lượng quân-đội Đức quốc-xã, một quân-đội được cơ-giới-hoá hơn hết vào thời-kỳ ấy. Thế là một lò sát-sinh khổng-lồ đã xảy ra. Các xe bọc thép Đức quốc-xã cán nát không ngừng nghỉ những con ngựa và lính Ba-lan trang-bị bằng mã-tấu tuốt trần. Phải chăng quân-đội Ba-lan không dự liệu trước hay lạc-hậu? Nên nhớ rằng, cũng vào thời-kỳ đó, quân Nga, những kẻ thù truyền-kiếp của Ba-lan, cũng có 1.250.000 con ngựa, đặc-biệt dành cho chiến-tranh.

Và lại, chính quân Nga cũng đã sử-dụng kỵ-binh, nhất là vào năm 1941, gần kinh-đô Mạc-tư-khoa, khi họ tung ra cái mà người ta có thể xem như là cuộc tấn-công vĩ-đại sau cùng của đoàn kỵ-binh trong lịch-sử.

Đại-đội này tiếp nối đại-đội kia, sư-đoàn kỵ-binh Sô-viét, một sống một chết, quyết tấn-công Sư-đoàn 106 Bộ-binh Đức. Cúi rạp trên lưng ngựa, mã-tấu cầm tay, các kỵ-binh Sô-viét thúc ngựa phi nước đại giữa cơn bão tố giết người bằng súng tự-động và lửa đạn trọng-pháo của quân-đội Đức. Chỉ vùn vện 30 kỵ-binh trong đoàn tới được các phòng-tuyến của Đức để bị giết chết ở đó! Chiến-trận kết-thúc, 2.000 người và ngựa của Sư-

đoàn 44 Kỵ-binh Nga bị chôn vùi dưới lớp tuyết lạnh. Bên phía Đức, hoàn toàn vô sự!

Ngựa sẽ đi về đâu?

Nếu ngựa và kỵ-binh, như ở các trường-hợp trên, đã ném mùi chua cay, gặp phải số-phận bi-đát trong thời đại-chiến 1939-1945, thì những ngựa phục-vụ cho con người để kéo xe, thồ hàng tại các miền sơn-cương, nơi núi non chập-chùng hoặc miền thôn quê, không có đường sá cho xe hơi, ngựa luôn luôn vẫn cần-thiết. Để ra ngoài trường-hợp của Trung-Hoa, hiện nay vẫn còn giữ nguyên-vẹn 4 Sư-đoàn Kỵ-binh, còn lại một vài vùng có những đội tuần-phòng, như ở Nga xô, Ấn-độ, Nam Mỹ và Nam Phi. Như vậy, quả thực ngựa 'chiến-tranh' ngày nay không còn nữa, nhưng ngựa 'hòa-bình' vẫn luôn tồn-tại và cần-thiết. Đó là ngựa cộng-tác với con người trong việc 'giải-trí'.